

Biện pháp trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực từ ngữ cho học sinh tiểu học

Nguyễn Thị Hải*

*TS. Trưởng bộ môn Giáo dục TH, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Khánh Hòa

Received: 28/7/2023; Accepted: 02/8/2023; Published: 15/8/2023

Abstract: Vietnamese is the mother tongue of Vietnamese students and a tool to help students communicate, think and learn other subjects at school. This is an important subject in education. The purpose of teaching Vietnamese is to meet the General Education program 2018, approach the current trend of modern education and help students achieve the required competencies, our article presents a method in teaching Vietnamese to develop vocabulary for primary school students.

Keywords: Vietnamese language, vocabulary competency, primary education

1. Đặt vấn đề

Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết nhất ở bậc TH, bởi Tiếng Việt đảm nhận chức năng trang bị cho HS công cụ để giao tiếp, giúp HS lĩnh hội và diễn đạt các kiến thức khoa học được giảng dạy trong các môn học khác. Giáo dục ngôn ngữ được thực hiện ở tất cả các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó môn Ngữ văn (ở TH là môn Tiếng Việt) có vai trò chủ đạo. Năng lực ngôn ngữ của HS được thể hiện qua các hoạt động: nghe, nói, đọc, viết. Trong các năng lực ngôn ngữ cần phát triển cho HS thì năng lực sử dụng từ ngữ là một năng lực không thể thiếu. Năng lực sử dụng từ ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp phương tiện để người học có thể đạt được năng lực ngôn ngữ một cách hiệu quả. Người học cần nắm vững vốn từ và sử dụng được chúng trong giao tiếp hằng ngày. Nếu vốn từ ngữ của một người bị hạn chế sẽ cản trở việc giao tiếp thành công của người đó. Giữa kiến thức từ ngữ và khả năng sử dụng ngôn ngữ có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Kiến thức về từ ngữ cho phép sử dụng thành thạo ngôn ngữ và ngược lại, việc sử dụng ngôn ngữ sẽ dẫn đến sự gia tăng kiến thức từ ngữ. Chính vì vậy, bài viết của chúng tôi trình bày một số biện pháp trong dạy học môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực từ ngữ cho HS TH.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sơ đồ hoá các nội dung giảng dạy

Trong quá trình giảng dạy, GV “sơ đồ hóa” nội dung khái niệm và giảng dạy thì việc hiểu bản chất của khái niệm sẽ trở nên dễ dàng với HS. HS sẽ nhận biết được mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, cùng bậc hay khác bậc, đồng loại hay khác loại... giữa các đơn vị kiến thức trong bài học. Chẳng hạn, khi dạy bài *Từ nhiều nghĩa*, GV cần sơ đồ hoá các nghĩa của

từ (có thể sử dụng kèm theo các hình ảnh minh hoạ) để cho HS hiểu được nghĩa gốc, nghĩa chuyển cũng như cơ chế tạo từ nhiều nghĩa và mối liên hệ giữa nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa. Dưới đây là một ví dụ về sơ đồ mà GV có thể sử dụng khi dạy bài học *Từ nhiều nghĩa*:



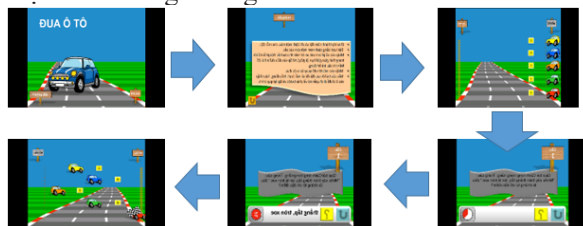
Ngoài ra, việc sơ đồ hoá có thể được áp dụng để hình thành nhiều khái niệm, để chỉ ra đặc điểm giống và khác giữa các đối tượng hoặc thể hiện các tiêu chí phân loại khác nhau giữa các yếu tố thuộc cùng một cấp độ. Cách trình bày này phù hợp với logic nhận thức của người học vì đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ cụ thể đến trừu tượng... Những nội dung này được hệ thống bằng sơ đồ sẽ giúp người học tiếp cận nhanh chóng với kiến thức mới dựa trên nền tảng những kiến thức cũ đã được học. Hơn nữa, đối với những bài ôn tập, GV có thể sử dụng sơ đồ để hệ thống hóa kiến thức, giúp HS dễ ghi nhớ cũng như có cái nhìn khái quát về những kiến thức cơ bản được học.

2.2. Trò chơi hoá các bài tập

Trên thực tế học tập Tiếng Việt nói riêng và các môn học khác nói chung, ban đầu HS rất khó yêu thích môn học và chưa có tính tự giác tích cực học tập môn học đó nếu bài dạy chưa đủ sức lôi cuốn và hấp dẫn. Đối tượng HS TH, đặc biệt là lớp 1, 2, 3

các em còn nhỏ, khả năng tập trung để học tập trong thời gian dài là không cao. GV cần phải giúp HS tiếp cận với các phương pháp dạy học Tiếng Việt mới, lôi cuốn các em vào bài dạy và tích cực tham gia xây dựng bài. GV cần thiết kế những trò chơi phù hợp và vận dụng trò chơi hiệu quả vào bài dạy để kích thích hứng thú, động cơ học tập của HS. Bởi phương pháp trò chơi học tập rất phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của HS TH nên có khả năng kích thích sự đam mê học tập của HS.

GV có thể tổ chức các trò chơi như: Rung chuông vàng, Kết nối, Hội thi vui để học, Điền thông tin, Đoán nghĩa, Đóng vai, Đánh vần, Phát âm... hoặc tổ chức các cuộc thi đua viết từ câu lên bảng theo nhóm, cá nhân, tập thể... Chẳng hạn, khi củng cố ôn tập những kiến thức môn Tiếng Việt trong học kỳ I cho HS lớp 3, GV có thể sử dụng power point để thiết kế các câu hỏi vào trò chơi “Đua ô tô”. Cả lớp được chia thành 5 đội cùng tham gia trả lời câu hỏi và chinh phục trò chơi, thông qua đó ôn luyện các kiến thức đã học một cách chủ động, không bị căng thẳng, áp lực. Ngoài việc giúp các em ôn luyện kiến thức, trò chơi này còn gắn kết được các thành viên trong nhóm/ lớp, các em có tinh thần đồng đội và thi đua giữa các đội để giành chiến thắng. Sau đây là một số hình ảnh là ví dụ khi một đội trả lời đúng câu hỏi của trò chơi. Khi HS trả lời đúng, ô tô sẽ tiến lên một bước trong đường đua.



Theo lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ, trong dạy học ngôn ngữ nói chung và dạy học Tiếng Việt nói riêng, một bầu không khí học tập vui vẻ với nhiều cơ hội được giao tiếp trong các ngữ cảnh thực tế sẽ thúc đẩy hứng thú học tập của HS. Tâm lý chinh phục, thích ghi nhiều điểm để chiến thắng sẽ giúp HS chủ động, tích cực tham gia. Các trò chơi nếu được vận dụng phù hợp sẽ tạo môi trường học tập vui vẻ, thoải mái, giúp HS cảm thấy tự tin và thích thú; từ đó, việc ôn tập các kiến thức đã học và chiếm lĩnh kiến thức mới sẽ đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, các trò chơi còn là công cụ để GV ghi nhận phản hồi trực tiếp và kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của HS. Qua quá trình các em tham gia trò chơi, GV sẽ đánh giá nhanh được kiến thức, năng lực của HS, phát hiện những

thế mạnh cũng như những lỗ hổng kiến thức của các em. Từ đó, GV có những biện pháp hỗ trợ kịp thời để bù đắp những thiếu hụt của HS.

2.3. Xây dựng môi trường học tập tiếng Việt tích cực cho HS TH

GV cần tạo môi trường tích cực, kích thích hứng thú học tập của HS bằng cách không tạo cho HS có suy nghĩ phân biệt HS kém và HS giỏi; tạo điều kiện nhiều nhất có thể để HS tham gia giao tiếp; dùng lời nói, cử chỉ, ánh mắt để khích lệ các em. Khi phát hiện lỗi sai, GV vẫn nên khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ học tập và nhắc nhở sau khi HS đã hoàn thành nhiệm vụ, không nên yêu cầu HS ngưng và sửa lỗi ngay HS đang thực hiện nhiệm vụ học tập.

Một môi trường học tập xuất hiện nhiều lo âu và nhiều xúc cảm tiêu cực sẽ dẫn tới việc học ngôn ngữ không hiệu quả. HS bị GV đánh giá kém về khả năng sử dụng ngôn ngữ và liên tục bị GV nhắc nhở hoặc bị các bạn cùng lớp cười nhạo vì nói sai, viết sai đương nhiên sẽ không mạnh dạn, không tự tin và không có sự cố gắng tham gia vào trong quá trình dạy học.

Đặc biệt, để giúp HS thụ đắc được ngôn ngữ, GV cần chấp nhận một số những lỗi sai của các em, không vì những lỗi sai trong việc sử dụng ngôn ngữ mà trách phạt và tạo cảm giác nặng nề, khiến HS mất tự tin trong việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. GV cũng nên chấp nhận những đặc điểm phương ngữ có trong lời nói của trẻ. Ngôn ngữ mà trẻ sẽ học chính là ngôn ngữ mà các em được tiếp xúc một cách trực tiếp, liên tục ngay từ đầu. Ngôn ngữ, phương ngữ nào đang được sử dụng chung quanh đứa trẻ, thì chính ngôn ngữ, phương ngữ đó sẽ được đứa trẻ học lấy một cách tự nhiên, vô thức. Sẽ không có gì ngạc nhiên khi một đứa trẻ có cha mẹ nói giọng Bắc nhưng chính đứa trẻ ấy hoàn toàn lại có thể nói giọng Nam khi chúng sinh ra và lớn lên ở môi trường mà những người nói chuyện với chúng hằng ngày bằng giọng Nam. Từ khi trẻ được 3 tuổi, trẻ sẽ nói ngôn ngữ như những đứa trẻ cùng trang lứa. Chính lúc này, cha mẹ rất khó có thể kiểm soát được cách nói năng của trẻ. Chúng sẽ có giọng nói riêng, sẽ học những từ ngữ mà chúng cần, những cách nói mà chúng thấy hấp dẫn. Chính vì vậy, GV cần lưu ý cho HS những lỗi sai chính tả do nhầm lẫn trong phát âm địa phương để giúp trẻ ghi nhớ, uốn nắn một cách từ từ và nhẹ nhàng.

Bên cạnh đó, khi dạy Tiếng Việt, GV cần tạo tình huống nhằm kích thích nhu cầu giao tiếp cho HS. Để thật sự phát triển năng lực từ ngữ nói riêng và năng lực giao tiếp tiếng Việt nói chung, HS cần có môi

trường tiếng Việt tốt để thực hành, rèn luyện và tăng cường sự tự tin khi giao tiếp. Tình huống giao tiếp càng thực tế thì tính hiệu quả lại càng cao.

Tóm lại, trong quá trình dạy học Tiếng Việt, GV tăng cường cho HS tiếp xúc càng nhiều với ngôn ngữ càng tốt, cho các em thường xuyên “tắm mình” trong ngôn ngữ sẽ giúp các em nhớ nhiều từ và có phản xạ tốt để giao tiếp. Ở trường và ở nhà các em cần được tạo điều kiện để tiếp xúc với tiếng Việt (trò chuyện cùng cha mẹ, thầy cô, bạn bè; xem hoạt hình; nghe kể chuyện; nghe ca nhạc; chơi các trò chơi ngôn ngữ,...). Tạo môi trường thuận lợi để các em có thể rèn luyện lời nói, phát triển vốn từ,... từ đó phát triển năng lực ngôn ngữ của mình.

2.4. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa về Tiếng Việt

Hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Việt là hình thức học tập ngoài giờ lên lớp. Hoạt động này có vai trò quan trọng trong việc tạo ra những hình thức học tập sinh động, đa dạng, phong phú và góp phần nâng cao chất lượng môn Tiếng Việt. Đối với việc phát triển năng lực từ ngữ cho HS, hoạt động ngoại khóa có những đặc điểm riêng, những đặc điểm này được quy định bởi mục tiêu phát triển năng lực từ ngữ và đặc trưng của các kiến thức về từ ngữ. Môn Tiếng Việt có các hoạt động ngoại khóa như: báo tường, thi sáng tác văn học, thi vẽ sạch chữ đẹp, thi đọc thơ - ngâm thơ, kể chuyện, sô tay chính tả, sô tay từ ngữ, các trò chơi tiếng Việt, sưu tầm thành ngữ, tục ngữ, ca dao,...

Theo quan điểm dạy tiếng thông qua hoạt động giao tiếp, các hoạt động ngoại khóa tạo nên môi trường học tập hài hòa và trọn vẹn. Nhờ các hoạt động ngoại khóa, HS có được những tình huống giao tiếp muôn màu, muôn vẻ, chân thực, sinh động. Các em có điều kiện tham gia giao tiếp và ứng dụng các kiến thức về từ đã học. Một số hình thức hoạt động ngoại khóa phù hợp với việc phát triển năng lực từ ngữ cho HS như: *thi kể chuyện*, sưu tầm và kể chuyện vui về từ, lập sô tay sử dụng từ ngữ, các cuộc thi về Tiếng Việt,...

HS TH rất thích kể chuyện, sưu tầm kể chuyện. Phát huy đặc điểm này, GV có thể sưu tầm hoặc lựa chọn các mẫu chuyện vui liên quan đến nội dung của bài học để góp phần kích thích hứng thú của HS. Hoặc GV cũng có thể tổ chức các cuộc thi sưu tầm và kể chuyện vui về từ cho HS. Những cuộc thi này đặt ra các yêu cầu như mỗi em sưu tầm các câu chuyện vui liên quan đến việc dùng từ, đặt câu hay sử dụng dấu câu. Sau đó, yêu cầu các em kể lại các câu chuyện vui đó cho thầy cô và bạn bè nghe, rồi

biên luận về ý nghĩa câu chuyện. Với hình thức hoạt động ngoại khóa này, HS không chỉ được mở rộng, củng cố những hiểu biết về cách dùng từ, đặt câu mà còn được rèn luyện về kỹ năng kể. Qua các câu chuyện, HS sưu tầm được hoặc được nghe bạn khác kể, các em sẽ có ý thức trau dồi ngôn ngữ của mình và cẩn thận hơn trong việc dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu.

Tổ chức các cuộc thi về tiếng Việt, đây là hoạt động có liên quan đến tiếng Việt trong đó có những hoạt động giúp cho HS phát triển được năng lực từ ngữ. HS tham gia vào các trò chơi, giải các bài tập về từ, giải thích câu đố về ngôn ngữ, đóng kịch... Trong các cuộc thi về tiếng Việt, có thi kể chuyện vui về từ, kể chuyện thành ngữ - tục ngữ, giải nghĩa từ, đặt câu nhanh... Việc tổ chức các cuộc thi về tiếng Việt góp phần rèn luyện nhiều kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho HS trong đó có kỹ năng dùng từ, đặt câu, kỹ năng kể. Đây chính là cơ hội để HS giao lưu, trao đổi, cũng như trau dồi cách dùng tiếng Việt trong những tình huống giao tiếp đa dạng và đời thường.

3. Kết luận

Dựa trên những nghiên cứu về nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt, chúng tôi đề xuất một số biện pháp mà GV có thể sử dụng trong quá trình dạy học Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực sử dụng từ ngữ cho HS TH. Những đề xuất mà chúng tôi đã nêu đều tính đến tính khả thi, hiệu quả trong việc phát triển năng lực từ ngữ cho HS TH, đồng thời nâng cao chất lượng học tập của HS TH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, GV cần linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn phương pháp, biện pháp phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh và đối tượng HS.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở TH II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, .
2. Lê Phương Nga, Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở TH I*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga (2021), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở TH*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.